



DELL Vostro V130 Intel® Core™ i5 i5-470UM 33,8 cm (13.3") 4 GB DDR3-SDRAM 320 GB Intel® HD Graphics Windows 7 Professional Màu đen

Nhãn hiệu : DELL

Mã sản phẩm: V130-M111BE

Tên mẫu : Vostro V130



DELL Vostro V130. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i5, Model vi xử lý: i5-470UM, Tốc độ bộ xử lý: 1,33 GHz. Kích thước màn hình: 33,8 cm (13.3"), Độ phân giải màn hình: 1366 x 768 pixels. Bộ nhớ trong: 4 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR3-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 320 GB. Model card đồ họa on-board: Intel® HD Graphics, Model card đồ họa rời: Intel® HD Graphics. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 7 Professional. Màu sắc sản phẩm: Màu đen. Trọng lượng: 1,59 kg

Thiết kế		Cổng giao tiếp	
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Loại khe cắm CardBus PCMCIA	×
Màn hình		Khe cắm SmartCard	×
Kích thước màn hình *	33,8 cm (13.3")	Đầu ra tivi	×
Độ phân giải màn hình *	1366 x 768 pixels	Hiệu suất	
Đèn LED phía sau	✓	Chipset bo mạch chủ	Intel® HM57 Express
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Bàn phím	
Bộ xử lý		Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Bố cục bàn phím	AZERTY
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i5	Phần mềm	
Thế hệ bộ xử lý	4th gen Intel® Core™ i5	Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
Model vi xử lý *	i5-470UM	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 7 Professional
Số lõi bộ xử lý	2	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Các luồng của bộ xử lý	4	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Tần số turbo tối đa	1,86 GHz	Công nghệ Intel® Turbo Boost	1.0
Tốc độ bộ xử lý *	1,33 GHz	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Tốc độ bus hệ thống	2,5 GT/s	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	3 MB	Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Dòng bộ nhớ cache CPU	L3	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1288	Intel® Smart Cache	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	32 nm	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	×
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	×
Dòng vi xử lý	Intel Core i5-400 Series	Intel® Enhanced Halt State	✓
Tên mã bộ vi xử lý	Arrandale	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trạng Mở rộng (EPT)	✓
Loại bus	DMI	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
Chia bậc	K0	Kiến trúc Intel® 64	✓
Công suất thoát nhiệt TDP	18 W	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Tjunction	105 °C	Trạng thái Chờ	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	16	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Phiên bản PCI Express	2.0	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	BGA 34 x 28
Cấu hình PCI Express	1x16	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	SSE4.1, SSE4.2
Số lượng bán dẫn của đế bán dẫn bộ xử lý	382 M	Mã của bộ xử lý	SLBXP
Kích thước đế bán dẫn bộ xử lý	81 mm²		
Tỷ lệ Bus/Nhân	10		
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	×		
Bộ nhớ			
Bộ nhớ trong *	4 GB		
Loại bộ nhớ trong	DDR3-SDRAM		
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	1333 MHz		
Bố cục bộ nhớ	2 x 2 GB		

Dung lượng		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tổng dung lượng lưu trữ *	320 GB	Tính năng Mở rộng Địa chỉ Vật lý (PAE)	✓
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Physical Address Extension (PAE)	36 bit
Giao diện ổ cứng	SATA	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Tốc độ ổ cứng	7200 RPM	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Loại ổ đĩa quang *	✗	Graphics & IMC lithography	45 nm
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✗
Đồ họa			
Model card đồ họa rời *	Intel® HD Graphics	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Card đồ họa on-board *	✓	Công nghệ Intel® Dual Display Capable	✓
Card đồ họa rời *	✓	Công nghệ Giao diện hiển thị linh hoạt (FDI) của Intel®	✓
Họ card đồ họa on-board	Intel® HD Graphics	Công nghệ Intel Fast Memory Access	✓
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics	ID ARK vi xử lý	50026
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	166 MHz	Vi xử lý không xung đột	✗
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	500 MHz		
Âm thanh		Pin	
Số lượng loa gắn liền	1	Số lượng cell pin	6
hệ thống mạng		Điện	
Wi-Fi	✓	Giắc cắm đầu vào DC	✓
Chuẩn Wi-Fi	802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n)		
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓	Bảo mật	
Bluetooth	✓	Khe cắm khóa cáp	✓
Phiên bản Bluetooth	3.0+HS	Loại khe cắm khóa dây cáp	Kensington
Công nghệ cáp	10/100/1000Base-T(X)		
Cổng giao tiếp		Tính bền vững	
Số lượng cổng USB 2.0 *	2	Chứng chỉ bền vững	NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Số lượng cổng eSATA/USB 2.0	1		
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	Trọng lượng & Kích thước	
Số lượng cổng HDMI *	1	Chiều rộng	330 mm
Cổng DVI	✗	Độ dày	230 mm
Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1	Chiều cao (phía trước)	1,65 cm
Đầu ra tai nghe	1	Chiều cao (phía sau)	1,97 cm
Cổng ra S/PDIF	✗	Trọng lượng *	1,59 kg
Giắc cắm micro	✓		
Bộ nối trạm	✗	Nội dung đóng gói	
Khe cắm ExpressCard	✗	Kèm adapter AC *	✓
		Các đặc điểm khác	
		Cổng kết nối hồng ngoại	✗
		Họ card đồ họa	Intel
		Loại nguồn cấp điện	AC/DC
		Tuân thủ các tiêu chuẩn công nghiệp	IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3ab

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.